TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2019

Số: 158 /KHTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO SỐ 3
(Về kỳ thi tuyển Viên chức năm 2019)

Kính gởi: Các ứng viên dự thi kỳ thi tuyển dụng Viên chức năm 2019

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ tuyển dụng viên chức năm 2019 ngày 11/10/2019 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH KHTN có tổng cộng **128** ứng viên đủ điều kiện dự thi, trong đó:

Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, **126** ứng viên:
+ 72 ứng viên dự tuyển ngạch giảng viên
+ 26 ứng viên dự tuyển ngạch nghiên cứu viên
+ 28 ứng viên dự tuyển ngạch chuyên viên

Trung tâm Inomar, **02** ứng viên:
+ 01 ứng viên dự thi ngạch chuyên viên
+ 01 ứng viên dự tuyển ngạch nghiên cứu viên

Đề nghị các ứng viên kiểm tra các thông tin trên danh sách, nếu có sai sót vui lòng báo về Phòng TC-HC trước **16g ngày 18/10/2019.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH
Phan Ngô Hoang

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ỨNG VIÊN THAM DỰ KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019

(Đính kèm công văn số 158 /KHTN , ký ngày 14/10/2019)

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
01	CV001	Hồ Ngọc Trang	Anh	11/04/1987	x	Tp.HCM	Phòng Khoa học và Công nghệ		CV	x	x	x		
02	CV002	Trần Mai	Anh	29/12/1985	x	Tp.HCM	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	VP Khoa	CV	x	x	x		
03	CV003	Phạm Nguyệt	Ánh	01/11/1994	x	Tiền Giang	Khoa Công nghệ Thông tin	Văn phòng khoa	CV	x	x	x		
04	CV004	Vũ Hà	Châu	05/11/1974	x	Thái Bình	Phòng Kế hoạch - Tài chính		CV	x	x	x		
05	CV005	Lê Trần Minh	Châu	15/02/1992	x	Quảng Trị	Phòng Quản trị thiết bị		CV	x	x	x		
06	CV006	Lê Thiện	Đạt	12/12/1987		Long An	Khoa Toán - TH	Ứng dụng tin học	CV	x	x	x		
07	CV007	Nguyễn Văn	Đức	06/6/1989		Bình Dương	Khoa Công nghệ Thông tin	Phòng máy	CV	x	x	x		
08	CV008	Phan Việt	Dũng	27/02/1974			Khoa Điện tử - Viễn thông	Hệ thống nhúng	CV	x	x	x		
09	CV009	Võ Thị Thùy	Dương	31/8/1991	x	Quảng Trị	Phòng Tổ chức - Hành chính		CV	x	x	x		
10	CV010	Đặng Thị Lan	Hương	22/7/1986	x	Tiền Giang	Khoa Điện tử - Viễn thông	VP Khoa	CV	x	x	x		
11	CV011	Huỳnh Thị Kim	Lan	12/10/1992	x	Tiền Giang	Phòng Khảo thí và ĐBCL		CV	x	x	x		
12	CV012	Trần Thanh	Mai	15/01/1986	x	Tiền Giang	Thư viện		CV	x	x	x		
13	CV013	Hoàng Hà	My	24/11/1995	x	Nam Định	Khoa Công nghệ Thông tin	Văn phòng khoa	CV	x	x	x		
14	CV014	Lư Vũ Hồng	Nhung	03/12/1984	x	Đồng Nai	Thư viện		CV	x	x	x		
15	CV015	Lê Trương Kiều	Oanh	10/11/1991	x	Bến Tre	Phòng Đào tạo		CV	x	x	x		

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
16	CV016	Nguyễn Thị Minh	Phúc	24/6/1988	x	Bình Định	Khoa Công nghệ Thông tin	VP Khoa	CV	x	x	x		
17	CV017	Nguyễn Đình	Phương	07/7/1984		Thanh Hóa	VP Công đoàn		CV	x	x	x		
18	CV018	Bùi Thị Kiều	Phương	02/8/1990	x	Quảng Ngãi	Thư viện		CV	x	x	x		
19	CV019	Nguyễn Nhật	Tài	24/10/1993		Hà Tĩnh	Phòng Thông tin Truyền thông		CV	x	x	x		
20	CV020	Nguyễn Văn	Tịnh	02/10/1991		Thanh Hóa	VP Đoàn Thanh niên		CV	x	x	x		
21	CV021	Lê Thu	Thảo	01/09/1987	x	Kiên Giang	Khoa Công nghệ Thông tin	Văn phòng khoa	CV	x	x	x		
22	CV022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	03/01/1982	x	Tiền Giang	INOMAR		CV	x	Miễn	x		
23	CV023	Nguyễn Hà	Thương	06/10/1987	x	Hà Nội	Phòng Khoa học và Công nghệ		CV	x	Miễn	x		
24	CV024	Tiêu Thảo	Trang	29/06/1992	x	TP.HCM	Phòng Đào tạo		CV	x	x	x		
25	CV025	Nguyễn Văn	Trường	09/01/1986		Thái Bình	Phòng Quản trị thiết bị		CV	x	x	x		
26	CV026	Trần Thị Thanh	Tú	12/12/1983	x	Nam Định	Phòng Công tác Sinh viên		CV	x	x	x		
27	CV027	Hoàng Thanh	Tú	12/12/1990	x	Nam Định	Khoa Công nghệ Thông tin	VP Khoa	CV	x	x	x		
28	CV028	Nguyễn Hoàng Thị	Xuân	30/12/1993	x	Tiền Giang	Phòng Tổ chức - Hành chính		CV	x	x	x		
29	CV029	Võ Thị Thu	Sương	21/10/1993	x	Quảng Nam	VP Đoàn Thanh niên		CV	x	x	x		
30	NC001	Vũ Năng	An	25/9/1985		Hải Dương	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Polymer và Composite	NCV	x	x	x		
31	NC002	Phạm Thanh Tuấn	Anh	18/05/1992		Tp.HCM	PTN Vật liệu kỹ thuật cao		NCV	x	x	x		
32	NC003	Huỳnh Đình	Chương	06/11/1987		Phú Yên	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
33	NC004	Hoàng Lương	Cường	10/10/1985		Hà Tĩnh	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	NCV	x	x	x		

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
34	NC005	La Phan Phương	Hạ	25/3/1985	x	Bến Tre	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Nano & Màng mỏng	NCV	x	x	x		
35	NC006	Nguyễn Văn	Hoàng	12/12/1991		TP.HCM	Khoa Hóa học	Hóa Lý	NCV	x	x	x		
36	NC007	Huỳnh Thị Yến	Hồng	06/11/1990	x	Tp.HCM	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
37	NC008	Nguyễn Hữu	Kế	11/10/1988		Bình Định	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	NCV	x	x	x		
38	NC009	Nguyễn Hồ Thùy	Linh	08/3/1990	x	Bình Định	INOMAR		NCV	x	x	x		
39	NC010	Nguyễn Thị Trúc	Linh	13/11/1990	x	Long An	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
40	NC011	Nguyễn Quang	Long	22/11/1988		Nam Định	Khoa Môi trường	Tin học Môi trường	NCV	x	x	x		
41	NC012	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	09/01/1987	x	Khánh Hòa	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu từ và Y sinh	NCV	x	x	x		
42	NC013	Nguyễn Văn	Thắng	15/9/1989		Trà Vinh	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
43	NC014	Phạm Nguyễn Phư	Thảo	15/11/1983	x	Tiền Giang	Khoa Sinh học - CNSH	Vi sinh	NCV	x	x	x		
44	NC015	Huỳnh Nguyễn Phc	Thu	02/01/1989	x	Khánh Hòa	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
45	NC016	Trần Thị Minh	Thư	11/3/1984	x	Nghệ An	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Nano & Màng mỏng	NCV	x	x	x		
46	NC017	Nguyễn Ngọc	Thủy	23/6/1992	x	Khánh Hòa	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Polymer và Composite	NCV	x	x	x		
47	NC018	Trương Hữu Ngân	Thy	03/5/1990	x	Bình Thuận	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
48	NC019	Lê Nguyễn Hoa	Tiên	14/12/1988	x	Bến Tre	Khoa Vật lý - VLKT	Hải dương - Khí tượng - Thủy văn	NCV	x	x	x		
49	NC020	Lê Thị Ngọc	Trang	11/8/1990	x	Quảng Nam	PTN Kỹ thuật Hạt nhân		NCV	x	x	x		
50	NC021	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	14/8/1990	x	Bình Thuận	Khoa Địa chất	Địa chất cơ sở	NCV	x	x	x		
51	NC022	Lê Bùi Trung	Trinh	25/6/1985	x	Đồng Nai	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh thái - Sinh học tiến hóa	NCV	x	Miễn	x		

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
52	NC023	Vũ Tiến	Trung	09/01/1990		Vĩnh Phú	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Polymer và Composite	NCV	x	x	x		
53	NC024	Nguyễn Ngọc	Trường	16/8/1990		Bến Tre	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý địa cầu	NCV	x	x	x		
54	NC025	Đào Anh	Tuấn	12/05/1985		Sóc Trăng	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	NCV	x	x	x		
55	NC026	Trần Ngọc Đạt	Thành	23/10/1994		Tp.HCM	PTN Công nghệ phần mềm		NCV	x	x	x		
56	NC027	Đỗ Thị Thanh	Hà	10/08/1984	x	Hà Nội	Khoa Công nghệ Thông tin	Thị giác máy tính và điều khiển học thông minh	NCV	x	x	x		
57	GV002	Lê Văn	Chánh	25/10/1988		Bến Tre	Khoa Toán - TH	Cơ học	GV	x	x		x	
58	GV003	Nguyễn Đoàn Thiệ	Chí	01/09/1993		Bến Tre	Khoa Môi trường	Công nghệ Môi trường	GV	x	x		x	
59	GV004	Đỗ Phương	Chơn	21/10/1983		Thừa Thiên	Bộ môn Giáo dục thể chất		GV	x	x		x	
60	GV005	Cao Minh	Đại	25/01/1992		Tp.HCM	Khoa Sinh học - CNSH	CNSh Thực vật và chuyển hóa sinh học	GV	x	x		x	
61	GV006	Nguyễn Thùy	Dung	21/02/1986	x	Bình Thuận	Khoa Địa chất	Địa chất Thủy văn - ĐC Công trình	GV	x	x		x	
62	GV007	Nguyễn Lê Hoàng	Dũng	16/02/1989		Bến Tre	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Phần mềm	GV	x	x		x	
63	GV009	Hà Thúy	Hằng	15/01/1990	x	Bình Định	Khoa Địa chất	Địa chất cơ sở	GV	x	x		x	
64	GV010	Lâm Văn	Hạo	01/02/1988		Bạc Liêu	Khoa Vật lý - VLKT	Hải dương - Khí tượng - Thủy văn	GV	x	x		x	
65	GV011	Lê Quốc	Hòa	10/6/1990		Tiền Giang	Khoa Công nghệ Thông tin	Mạng máy tính và Viễn thông	GV	x	x		x	
66	GV012	Võ Thị Minh	Hoàng	07/07/1979	x	Long An	Khoa Môi trường	Quản lý môi trường	GV	x	Miễn		x	
67	GV013	Lê Trung	Khanh	03/3/1989		Hà Nội	Khoa Điện tử - Viễn thông	Điện tử	GV	x	x		x	
68	GV014	Ngô Ngọc Đăng	Khoa	09/10/1985		Tp.HCM	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Phần mềm	GV	x	x		x	

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
69	GV015	Đặng Thị Thanh	Lê	17/11/1987	x	Hà Tĩnh	Khoa Môi trường	Tin học Môi trường	GV	x	x		x	
70	GV016	Dương Thị Mỹ	Lệ	15/10/1985	x	Bình Định	Khoa Địa chất	Địa chất biển và Dầu khí	GV	x	x		x	
71	GV018	Hà Vân	Linh	05/8/1980	x	Tp.HCM	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu từ và Y sinh	GV	x	x		x	
72	GV019	Phan Thị Kiều	Loan	17/6/1989	x	Bình Định	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	GV	x	x		x	
73	GV020	Huỳnh Hữu	Luân	30/03/1992		Phú Yên	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh lý học và công nghệ sinh học động vật	GV	x	x		x	
74	GV021	Lê Thị Huỳnh	Mai	07/02/1992	x	Long An	Khoa Hóa học	Hóa Phân tích	GV	x	x		x	
75	GV022	Đinh Thị	Minh	26/5/1988	x	Hà Nam	Bộ môn Giáo dục thể chất		GV	x	x		x	
76	GV023	Phạm	Minh	17/10/1990		Bình Thuận	Khoa Địa chất	Thạch học và khoáng sản	GV	x	x		x	
77	GV024	Trương Thị Trà	My	20/02/1988	x	Bến Tre	Bộ môn Giáo dục thể chất		GV	x	x		x	
78	GV025	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	21/7/1989	x	Hà Nội	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh lý học và công nghệ sinh học động vật	GV	x	x		x	
79	GV026	Bùi Thị Như	Ngọc	10/02/1989	x	Thanh Hóa	Khoa Sinh học - CNSH	Di truyền	GV	x	x		x	
80	GV027	Bùi Kim	Ngọc	14/4/1989	x	Tiền Giang	Khoa Địa chất	Thạch học và khoáng sản	GV	x	x		x	
81	GV028	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/11/1989	x	Lâm Đồng	Khoa Toán - TH	Xác suất thống kê	GV	x	Miễn		x	
82	GV029	Trà Đông	Phương	06/7/1990		Tây Ninh	Khoa Sinh học - CNSH	CNSh Thực vật và chuyển hóa sinh học	GV	x	x		x	
83	GV030	Nguyễn Thanh	Quân	10/10/1987		Bà Rịa - Vũn	Khoa Công nghệ Thông tin	Mạng máy tính và Viễn thông	GV	x	x		x	
84	GV031	Trương Tấn	Quang	15/6/1967		Tp.HCM	Khoa Điện tử - Viễn thông	Viễn thông mạng	GV	x	x		x	
85	GV032	Trần Văn	Quý	24/11/1985		Thừa Thiên	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Phần mềm	GV	x	x		x	

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
86	GV033	Trần Thanh	Thắng	12/07/1994		TP.HCM	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh lý thực vật	GV	x	x		x	
87	GV034	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	15/07/1989	x	Tp.HCM	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh lý học và công nghệ sinh học động vật	GV	x	x		x	
88	GV035	Đỗ Ngọc	Thanh	29/3/1990		Quảng Ngãi	Khoa Địa chất	Địa chất biển và Dầu khí	GV	x	x		x	
89	GV036	Trần Hương	Thảo	11/11/1984	x	Nam Định	Khoa Toán - TH	Giáo dục Toán học	GV	x	x		x	
90	GV037	Nguyễn Văn	Thìn	04/7/1988		Nghệ An	Khoa Toán - TH	Xác suất thống kê	GV	x	Miễn		x	
91	GV038	Huỳnh Quốc	Thịnh	17/9/1990		Bình Thuận	Khoa Điện tử - Viễn thông	Điện tử	GV	x	x		x	
92	GV039	Lê Hữu	Thọ	21/11/1991		Bình Định	Khoa Hóa học	Hóa dược	GV	x	x		x	
93	GV040	Nguyễn Duy	Thông	18/12/1986		Tiền Giang	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Hạt nhân Kỹ thuật hạt nhân	GV	x	Miễn		x	
94	GV041	Phạm Minh	Tú	17/4/1986		Bến Tre	Khoa Công nghệ Thông tin	Hệ thống thông tin	GV	x	x		x	
95	GV042	Lê Hữu	Tuấn	15/02/1985		Vĩnh Long	Khoa Địa chất	Địa chất cơ sở	GV	x	x		x	
96	GV043	Hoàng Anh	Tuấn	16/12/1988		Nghệ An	Khoa Điện tử - Viễn thông	Máy tính và hệ thống nhúng	GV	x	x		x	
97	GV044	Đinh Quốc	Tuấn	17/3/1988		Bến Tre	Khoa Địa chất	Địa chất biển và Dầu khí	GV	x	x		x	
98	GV045	Nguyễn Văn	Tuyền	10/10/1990		Hà Nam	Bộ môn Giáo dục thể chất		GV	x	x		x	
99	GV046	Khuất Thị Khánh	Vân	11/02/1990	x	Long An	Khoa Hóa học	Hóa Polyme	GV	x	Miễn		x	
100	GV047	Võ Hoài	Việt	16/01/1987		Bình Định	Khoa Công nghệ Thông tin	Thị giác máy tính và điều khiển học thông minh	GV	x	x		x	
101	GV048	Hồ Thị Hoàng	Vy	11/05/1985	x	Thừa Thiên	Khoa Công nghệ Thông tin	Hệ thống thông tin	GV	x	x		x	
102	XT001	Vũ Đỗ Huy	Cường	28/11/1984		Nam Định	Khoa Toán - TH	Cơ học	Xét tuyển GV				x	
103	XT002	Trần Nhân	Giang	25/4/1988		Trà Vinh	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Hạt nhân Kỹ thuật hạt nhân	Xét tuyển GV				x	

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
104	XT003	Ông Thanh	Hải	31/3/1984		Nghệ An	Khoa Toán - TH	Giải tích	Xét tuyển GV				x	
105	XT004	Nguyễn Thị Thụy	Hằng	25/02/1985	x	Quảng Ngãi	Khoa Môi trường	Tin học Môi trường	Xét tuyển GV				x	
106	XT005	Trần Thị Thanh	Hiền	02/01/1980	x	Tiền Giang	Khoa Sinh học - CNSH	Sinh lý thực vật	Xét tuyển GV				x	
107	XT006	Trần Công	Khánh	20/06/1987	x	Quảng Bình	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Nano & Màng mỏng	Xét tuyển GV				x	
108	XT007	Nguyễn Thanh	Lâm	19/10/1984		Bến Tre	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	Xét tuyển GV				x	
109	XT008	Nguyễn Chí	Linh	17/02/1982		Cà Mau	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Tin học	Xét tuyển GV				x	
110	XT009	Tạ Thị Nguyệt	Nga	24/10/1988	x	Ninh Bình	Khoa Toán - TH	Giáo dục Toán học	Xét tuyển GV				x	
111	XT010	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	21/01/198	x	Long An	Khoa Toán - TH	Xác suất thống kê	Xét tuyển GV				x	
112	XT011	Nguyễn Kim	Ngọc	14/7/1986	x	Tiền Giang	Khoa Toán - TH	Đại số	Xét tuyển GV				x	
113	XT012	Huỳnh Lê Thanh	Nguyên	27/11/1987		Tp.HCM	Khoa Hóa học	Hóa Lý	Xét tuyển GV				x	
114	XT013	Nguyễn Thị Ý	Nhi	14/05/1975	x	Nghệ An	Khoa Hóa học	Hóa dược	Xét tuyển GV				x	
115	XT014	Bùi Thị Ngọc	Oanh	09/03/1986	x	Đồng Nai	Khoa Vật lý - VLKT	Hải dương - Khí tượng - Thủy văn	Xét tuyển GV				x	
116	XT015	Võ Quốc	Phong	17/8/1985		An Giang	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý lý thuyết	Xét tuyển GV				x	
117	XT016	Đặng Vinh	Quang	28/10/1984		Sóc Trăng	Khoa Khoa học & Công nghệ Vật liệu	Vật liệu Nano & Màng mỏng	Xét tuyển GV				x	
118	XT017	Phan Lê Hoàng	Sang	02/8/1985		Nghệ An	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Hạt nhân - Kỹ thuật hạt nhân	Xét tuyển GV				x	
119	XT018	Nguyễn Thanh	Tâm	12/9/1986	x	Bình Định	Khoa Môi trường	Công nghệ Môi trường	Xét tuyển GV				x	

Số TT	Số báo danh	Họ và	tên	Ngày sinh	Giới tính Nữ (x)	Quê quán	Đơn vị dự tuyển		Ngạch dự tuyển	Môn thi				Ghi chú
							Phòng / Khoa	Bộ môn thuộc khoa		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Viết	Thao giảng	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
120	XT019	Nguyễn Đình	Thanh	15/11/1986		Hà Nội	Khoa Địa chất	Địa chất Thủy văn - ĐC Công trình	Xét tuyển GV				x	
121	XT020	Võ Thị Ngọc	Thủy	21/8/1983	x	Tiền Giang	Khoa Vật lý - VLKT	Vật lý Ứng dụng	Xét tuyển GV				x	
122	XT021	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/10/1988	x	Quảng Nam	Khoa Môi trường	Quản lý môi trường	Xét tuyển GV				x	
123	XT022	Nguyễn Tấn	Trung	02/7/1986		TP.HCM	Khoa Toán - TH	Giải tích	Xét tuyển GV				x	
124	XT023	Nguyễn Khánh	Tùng	25/11/1988		TP.HCM	Khoa Toán - TH	Đại số	Xét tuyển GV				x	
125	XT024	Nguyễn Minh	Tùng	07/6/1987		Long An	Khoa Toán - TH	Tối ưu và Hệ thống	Xét tuyển GV				x	
126	XT025	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	01/8/1982	x	Quảng Nam	Khoa Công nghệ Thông tin	Công nghệ Phần mềm	Xét tuyển GV				x	
127	XT026	Thái Lê	Vinh	06/02/1987		An Giang	Khoa Công nghệ Thông tin	Hệ thống thông tin	Xét tuyển GV				x	
128	XT027	Nguyễn Thanh	Bình	23/121986		Thái Bình	Khoa Toán - TH	Ứng dụng tin học	Xét tuyển GV				x	

Tổng cộng: 128 ứng viên